



hǎo tīng

好听

Adjective · pleasant to hear

Example Sentences

zhè shǒu gē zhēn hǎo tīng

这首歌真好听。

This song is really pleasant to hear.

zhè zhāng zhuān jí lǐ de gē dōu hěn hǎo tīng

这张专辑里的歌都很好听。

All the songs in this album are very pleasant to listen to.

tā de gǔ zhēng tán dé hěn hǎo tīng

他的古筝弹得很好听。

He plays the Chinese zither very beautifully

Trace each character, then write the word on your own.

好好好好好好好好好好

听听听听听听听听听听